Chi tiết mã HS 9402.10.30

Mã HS	9402.10.30
Mô tả hàng hóa	Đồ nội thất trong ngành y, giải phẫu, nha khoa hoặc thú y (ví dụ, bàn mổ, bàn khám, giường bệnh có lắp các bộ phận cơ khí, ghế nha khoa); ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự, có thể xoay, ngả và nâng hạ; bộ phận của các mặt hàng trên / - Ghế nha khoa, ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng: / - - Ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 22:08:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94021030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18533
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18533
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18533
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17838
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17767
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17767
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17767
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17767
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17767
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17767
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17823
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17823
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17823
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17823

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17823
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17823
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17824
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17824
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17824
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17824
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17824
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17824
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17829
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17786
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17781
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17781
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17781
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17781
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17781
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17781
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17827
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17827
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17827
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17827
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17827
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17827
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17889
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17889
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17889
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17889

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17889
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17889
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17867
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17867
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17867
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17867
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17867
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17867
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17860
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17860
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17860
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17860
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17860
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17860
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17890
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17890
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17890
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17890
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17890
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17890
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17889
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17889
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17889
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17889
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17889
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17889

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17983
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17983
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17983
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17983
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17983
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17983
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17983
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17852
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17852
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17852
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17852
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17852
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17852
RCEP B	2022	2022	0	B!D17852
RCEP B	2023	2023	0	B!E17852
RCEP B	2024	2024	0	B!F17852
RCEP B	2025	2025	0	B!G17852
RCEP B	2026	2026	0	B!H17852
RCEP B	2027	2027	0	B!I17852
RCEP C	2022	2022	0	C!D17850
RCEP C	2023	2023	0	C!E17850
RCEP C	2024	2024	0	C!F17850
RCEP C	2025	2025	0	C!G17850
RCEP C	2026	2026	0	C!H17850
RCEP C	2027	2027	0	C!I17850
RCEP D	2022	2022	0	D!D17849

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17849
RCEP D	2024	2024	0	D!F17849
RCEP D	2025	2025	0	D!G17849
RCEP D	2026	2026	0	D!H17849
RCEP D	2027	2027	0	D!I17849
RCEP E	2022	2022	0	E!D17853
RCEP E	2023	2023	0	E!E17853
RCEP E	2024	2024	0	E!F17853
RCEP E	2025	2025	0	E!G17853
RCEP E	2026	2026	0	E!H17853
RCEP E	2027	2027	0	E!I17853
RCEP F	2022	2022	0	F!D17852
RCEP F	2023	2023	0	F!E17852
RCEP F	2024	2024	0	F!F17852
RCEP F	2025	2025	0	F!G17852
RCEP F	2026	2026	0	F!H17852
RCEP F	2027	2027	0	F!I17852
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16730
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16730
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16730
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16730

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9402.10 có 2 dòng thuế; dòng 9402.10.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng.	9402.10.10 Ghế nha khoa và các bộ phận của chúng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9402.10.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9402.10.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18533), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.